

Bản án số: 38/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/08/2017

V/v tranh chấp: **Ly hôn**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Diệu Thúy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Doãn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hữu Bảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 06 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2017/QĐXX-ST ngày 07/08/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lê Văn V, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Số 33, ngách 31 ngõ 383 PT, phường P, quận K, Hà Nội - Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Trịnh Thị Thu P, sinh năm 1979; Đăng ký HKTT: Số 33, ngách 31 ngõ 383 PT, phường P, quận K, Hà Nội; Tạm trú: Số 122, đường L, phường M, quận H, Hà Nội - Có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 06 năm 2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn - Anh Lê Văn V trình bày:*

Anh kết hôn với chị Trịnh Thị Thu P ngày 13/02/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, Hà Nội. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xã L, huyện H đến năm 2002 thì gia đình chuyển đến thuê nhà tại địa chỉ số 122, đường L, phường M, quận H, Hà Nội sinh sống. Chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị P không chung thủy, có quan hệ với người khác và có con riêng dẫn đến vợ chồng thường xuyên có va chạm, đánh cãi nhau. Anh đã trao đổi, góp ý, tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không

có kết quả. Từ năm 2012 đến nay, vợ chồng sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 02 con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000 và Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006. Nếu vợ chồng ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi 01 con chung là cháu Lê Việt H và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị P có nguyện vọng nuôi cả hai con chung anh cũng nhất trí.

Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân, chị P có sinh con thứ ba là cháu Lê Khánh T, mặc dù giấy khai sinh ghi tên người cha là anh, khai sinh theo họ của anh nhưng anh đã đưa cháu T đi xét nghiệm ADN hai lần và cả hai lần cơ quan giám định đều kết luận cháu T không phải là con đẻ của anh. Do vậy, nay ly hôn, anh đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Khánh T không phải là con chung của vợ chồng mà là con riêng của chị P.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:

Về động sản chung: Anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có nhà đất chung.

Về các khoản nợ chung: Anh xác nhận hiện nay vợ chồng không có khoản nợ chung nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn là chị Trịnh Thị Thu P trình bày:* Chị thống nhất với lời khai của anh Lê Văn V về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống. Theo chị, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh V ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ với người khác. Ngoài ra, còn thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến gia đình, sống không có trách nhiệm đối với con cái. Khoảng tháng 10/2016, anh V cầm tiền của gia đình, bỏ đi ở nơi khác cho đến nay không quay về, vợ chồng sống ly thân. Nay anh V yêu cầu ly hôn đối với chị, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Theo chị vợ chồng có 03 con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000, Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006 và Lê Khánh T - sinh ngày 22/01/2015. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị kinh doanh hàng ăn, thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/ tháng. Từ khi vợ chồng ly thân, chị vẫn nuôi cả ba cháu, anh V không đóng góp gì. Nếu được nuôi con, chị sẽ đảm bảo điều kiện về chỗ ở cho các con.

Anh V yêu cầu Tòa án xác định cháu Lê Khánh T không phải con chung của vợ chồng, chị không nhất trí vì cháu T được sinh ra trong thời gian chị và anh V đang chung sống nên phải là con chung của vợ chồng. Chị đã cùng anh V và cháu T đến Viện khoa học hình sự lấy mẫu làm xét nghiệm quan hệ huyết thống cha, mẹ - con giữa anh V, chị và cháu T và chị đã biết kết quả giám định nhưng chị vẫn khẳng định cháu T là con chung của vợ chồng.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về bất động sản chung: Anh chị không có nhà đất chung, ly hôn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị và anh V không có khoản nợ chung nào, nếu ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

- *Anh Lê Văn V trình bày:* Anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn chị P vì xác định tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000, Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006, chị P có yêu cầu nuôi cả hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án xác định cháu Lê Khánh T không phải là con chung của vợ chồng mà là con riêng của chị P; Về tài sản chung, anh và chị P tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nhà đất và các khoản nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Chị Trịnh Thị Thu P trình bày:* Chị giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn; Về con chung: Chị đề nghị Tòa án xác định vợ chồng có 03 con chung và chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nhà đất và các khoản nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Hoàng Mai có quan điểm:***

- *Về việc tuân theo Pháp luật của thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng:* Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý đơn xin ly hôn của anh Lê Văn V là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật tố tụng dân sự; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đảm bảo theo đúng quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi ra quyết định xét xử, Tòa án đã chuyển quyết định và hồ sơ cho Viện kiểm sát theo quy định của Pháp Luật. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán đúng quy định của Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Việc chấp hành Pháp luật của các đương sự đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho anh Lê Văn V được ly hôn chị Trịnh Thị Thu P; Về con chung: Anh chị có hai con chung là: Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000, Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006. Giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh V đến khi chị P có yêu cầu; Xác định cháu Lê Khánh T - sinh ngày 22/01/2015 không phải

là con chung của vợ chồng; Về tài sản chung, nhà đất chung và các khoản nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn - anh Lê Văn V có đơn xin ly hôn đối với chị Trịnh Thị Thu P (trú tại: Số 122, đường L, phường M, quận H, Hà Nội). Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự - xét thấy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

Anh Lê Văn V và chị Trịnh Thị Thu P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Lâm, huyện Ứng Hòa, Hà Nội ngày 16/02/2000. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V nghi ngờ chị P không chung thủy, có quan hệ với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi chửi nhau. Ngoài ra, theo chị P, anh V là người ham chơi, không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Từ tháng 10/2016 đến nay, anh V đã chuyển ra ngoài ở, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau và cũng không có ý thức cùng nhau xây dựng gia đình, chăm sóc con cái. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, cả anh V và chị P đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Anh V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị P đồng ý ly hôn, thể hiện cả hai anh chị đều không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân hiện tại. Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không có biện pháp khắc phục, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, việc giải quyết cho anh chị ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Về con chung: Anh V xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 02 con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000, Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006; chị P khai vợ chồng có 03 con chung là cháu N, cháu H và cháu Lê Khánh T - sinh ngày 22/01/2015.

Nộp kèm theo đơn khởi kiện, anh V xuất trình cho Tòa án chứng cứ là 01 phiếu kết quả xét nghiệm ADN của Trung tâm công nghệ di truyền Việt Nam kết luận: *“Mẫu Lê Văn V không phải là cha sinh học của mẫu Lê Khánh T”*. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã yêu cầu anh V, chị P xuất trình tài liệu chứng cứ là kết luận giám định của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát về quan hệ huyết thống cha, mẹ - con giữa anh Lê Văn V, chị Trịnh Thị Thu P và cháu Lê Khánh T. Theo yêu cầu của Tòa án, trên cơ sở mẫu cần giám định và mẫu so sánh do chính anh V, chị P cung cấp, ngày 10/07/2017, Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát đã có văn bản số 8554/(C54/TT3) kết luận: *“Trịnh Thị Thu P là mẹ đẻ của Lê Khánh T, Lê Văn V không phải là cha đẻ của Lê Khánh T”*. Căn cứ kết luận của cơ quan giám định, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự xuất trình,

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Lê Khánh T, mặc dù được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân của anh Lê Văn V, chị Trịnh Thị Thu P nhưng không phải con chung của vợ chồng mà là con riêng của chị P với người đàn ông khác. Chị P cho rằng cháu T được sinh ra trong thời gian chị đang chung sống cùng anh V nên phải là con chung của vợ chồng nhưng không xuất trình được chứng cứ nào khác phủ nhận kết quả giám định trên nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận ý kiến của chị.

Về việc giao nuôi con chung, anh V, chị P đã thống nhất thỏa thuận giao cả hai con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000, Lê Việt H - sinh ngày 06/10/2006 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Các con chung của anh chị cũng có lời khai xin được ở với mẹ, xét thấy cần tôn trọng sự thỏa thuận của các bên đương sự và nguyện vọng của con chung, giao cả hai con chung của anh chị cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh V không trực tiếp nuôi con, theo quy định của Pháp luật, phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nhưng do chị P không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V đến khi chị P có yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung (động sản+ bất động sản) và các khoản nợ chung:

Về động sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về bất động sản và các khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Anh V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm,

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Khoản 2 Điều 88 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điểm 1.1 Khoản 1 Mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14:

**Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn V đối với chị Trịnh Thị Thu P**

Anh Lê Văn V được ly hôn chị Trịnh Thị Thu P

**Về con chung:** Anh chị có 02 con chung là Lê Văn N - sinh ngày 23/10/2000 và Lê Việt H - sinh ngày 06/12/2006.

Giao cả hai con chung cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh V đến khi chị P có yêu cầu.

Anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Cháu Lê Khánh T - sinh ngày 22/01/2015 không phải là con chung của vợ chồng, cháu T là con riêng của chị P.

**Về tài sản chung (Động sản + bất động sản) và các khoản nợ chung:**

**Về động sản chung:** Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét

**Về bất động sản chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

**Về các khoản nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

**Về án phí:** Anh Lê Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 02237 ngày 20/06/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội. Anh V đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hoàng Mai
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ vụ án

**Đỗ Thị Diệu Thúy**